

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Cử nhân Cao đẳng Tài chính - Ngân hàng

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Ngành đào tạo : Tài chính - Ngân hàng

Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-CTT, ngày ...tháng... năm 200... của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành).

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

Đào tạo Cử nhân Cao đẳng Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường và kiến thức chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng; có năng lực thực hành về nghiệp vụ tài chính ngân hàng, đủ khả năng giải quyết những vấn đề thông thường về chuyên môn và tổ chức công tác tài chính ở các doanh nghiệp, công ty, ngân hàng thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập toàn cầu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có đủ điều kiện và năng lực chuyên môn để làm việc ở các ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp,...vv

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 148 đvht (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO:

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. THANG ĐIỂM: 10

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 47 ĐVHT (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
1	2100001	Triết học Mác – Lênin	4	60		
2	2100003	Kinh tế chính trị Mác – Lênin A	6	90		
3	2100004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	45		
4	2100005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		
5	2100006	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	45		
		Tổng	19	285		

7.1.2. Khoa học xã hội

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
6	2100008	Quản trị học	3	45		
7	2100012	Pháp luật kinh tế	3	45		
		Tổng	6	90		

7.1.3. Nhân văn – nghệ thuật

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
8	2100007	Kỹ năng giao tiếp	3	45		
		Tổng	3	45		

7.1.4. Ngoại ngữ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
9	2100013	Anh văn căn bản 1	5	75		
10	2100014	Anh văn căn bản 2	5	75		

		Tổng	10	150		
--	--	-------------	-----------	------------	--	--

7.1.5. Toán – Tin học - Khoa học tự nhiên

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
11	2100017	Toán cao cấp C1	4	60		
12	2100019	Tin học căn bản	3	45		
13	2100020	Tin học căn bản – thực hành	2		60	
		Tổng	9	105	60	

7.1.6. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
14	2100022	Giáo dục thể chất 1	1		30	
15	2100023	Giáo dục thể chất 2	1		30	
16	2100024	Giáo dục thể chất 3	1		30	
		Tổng	3		90	

7.1.7. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
17	2100025	Giáo dục quốc phòng	3	60	75	
		Tổng	3	60	75	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (101 ĐVHT)

7.2.1. Kiến thức cơ sở

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
18	2103001	Kinh tế học	4	60		
19	2103002	Nguyên lý kế toán	3	45		
20	2103003	Nguyên lý thống kê	3	45		
21	2103004	Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 1	3	45		
22	2103005	Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 2	4	60		
23	2103006	Marketing căn bản	3	45		
24	2103008	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	3	45		
		Tổng	23	345		

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
25	2103007	Anh văn chuyên ngành	5	75		
26	2103009	Thuế	3	45		
27	2103010	Thanh toán quốc tế	3	45		
28	2103011	Tài chính doanh nghiệp	4	60		
29	2103013	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	45		
30	2103014	Quản trị ngân hàng	2	30		
31	2103015	Thẩm định dự án đầu tư	3	45		
32	2103016	Thị trường chứng khoán	3	45		
33	2103017	Marketing ngân hàng	2	30		
34	2103018	Kế toán hành chính sự nghiệp	4	60		
35	2103019	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45		
36	2103020	Tài chính quốc tế	3	45		
37	2103021	Kinh doanh ngoại hối	3	45		
38	2103022	Tín dụng ngân hàng	4	60		
39	2103023	Tín dụng ngân hàng – thực hành	3		90	
40	2103024	Kiểm toán ngân hàng	3	45		
41	2103025	Kế toán ngân hàng	4	60		
42	2103026	Kế toán ngân hàng – thực hành	3		90	
43	2103028	Bảo hiểm	2	30		
		Tổng	60	810	180	

7.2.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận (thi tốt nghiệp)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
44	2103097	Thực tập tốt nghiệp	8		360	
45	2103098	Khóa luận (thi) tốt nghiệp	8			
46	2103099	Thi tốt nghiệp các môn học kinh tế - chính trị	2			
		Tổng	18		360	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

HK1	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
1	2100001	Triết học Mác - Lênin	4	60		

2	2100003	Kinh tế chính trị Mác –Lênin A	6	90		
3	2100012	Pháp luật kinh tế	3	45		
4	2100013	Anh văn căn bản 1	5	75		
5	2100017	Toán cao cấp C1	4	60		
6	2103001	Kinh tế học	4	60		
		Tổng	26	390	0	

HK2	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
1	2100005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		
2	2100007	Kỹ năng giao tiếp	3	45		
3	2100008	Quản trị học	3	45		
4	2100014	Anh văn căn bản 2	5	75		
5	2100019	Tin học căn bản	3	45		
6	2100020	Tin học căn bản – thực hành	2		60	
7	2103002	Nguyên lý kế toán	3	45		
8	2103003	Nguyên lý thống kê	3	45		
		Tổng	25	345	60	

HK3	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
1	2100006	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	45		
2	2103004	Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 1	3	45		
3	2103005	Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 2	4	60		
4	2103006	Marketing căn bản	3	45		
5	2103008	Nghịệp vụ hành chính văn phòng	3	45		
6	2103009	Thuế	3	45		
7	2103010	Thanh toán quốc tế	3	45		
8	2103011	Tài chính doanh nghiệp	4	60		
		Tổng	26	390		

HK4	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
1	2100004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	45		
2	2103007	Anh văn chuyên ngành	5	75		
3	2103013	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	45		
4	2103016	Thị trường chứng khoán	3	45		
5	2103017	Marketing ngân hàng	2	30		
6	2103020	Tài chính quốc tế	3	45		
7	2103021	Kinh doanh ngoại hối	3	45		

8	2103024	Kiểm toán ngân hàng	3	45		
9	2103028	Bảo hiểm	2	30		
		Tổng	27	405		

HK5	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
1	2103014	Quản trị ngân hàng	2	30		
2	2103015	Thẩm định dự án đầu tư	3	45		
3	2103018	Kế toán hành chính sự nghiệp	4	60		
4	2103019	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45		
5	2103022	Tín dụng ngân hàng	4	60		
6	2103023	Tín dụng ngân hàng – thực hành	3		90	
7	2103025	Kế toán ngân hàng	4	60		
8	2103026	Kế toán ngân hàng – thực hành	3		90	
		Tổng	26	300	180	

HK6	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	LT	TH	GHI CHÚ
1	2103097	Thực tập tốt nghiệp	8		360	
2	2103098	Khóa luận (thi) tốt nghiệp	8			
3	2103099	Thi tốt nghiệp các môn học kinh tế - chính trị	2			
		Tổng	18		360	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

9.1. Triết học Mác – Lênin: 4(60, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 8/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SDH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 6(90, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 8/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển

quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SĐH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 3(45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin)

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 26/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SĐH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 3(45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học)

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 47/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 22/10/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SĐH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3(45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam).

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SĐH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.6. Quản trị học: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Triết học Mác-Lênin)

Nội dung: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất, vai trò, chức năng của nhà quản trị, môi trường quản trị, quá trình phát triển của các học thuyết quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin, ra quyết định, quản trị đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội.

9.7. Pháp luật kinh tế: 3(45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản như: quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh; quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh; các quy định về hợp đồng kinh tế, tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp.

9.8. Kỹ năng giao tiếp: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên về các vấn đề khái quát trong giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp bằng lời và không dùng lời, giao tiếp kinh doanh qua điện thoại, giao tiếp kinh doanh trực tiếp, quy trình giao tiếp, cách thức nghiên cứu để hình thành thông điệp, cách thức thông đạt, sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong giao tiếp kinh doanh; cách thức chuẩn bị, viết báo cáo và trình bày báo cáo kinh doanh, cách thức chuẩn bị các buổi phỏng vấn, chuẩn bị sơ yếu lý lịch và thư xin việc.

9.9. Anh văn căn bản 1: 5(75, 0, 75)

Điều kiện tiên quyết: Anh văn THPT

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu thuận lợi những bài học ở cấp độ cao hơn.

9.10. Anh văn căn bản 2: 5(75, 0, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn căn bản 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu thuận lợi những bài học ở cấp độ cao hơn.

9.11. Toán cao cấp C1: 4 (60, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: Hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để có đủ kiến thức tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy lô-gíc, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

9.12. Tin học căn bản: 3(45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng căn bản về máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp. Học phần cung cấp các kiến thức căn bản về máy tính hệ điều hành, lưu trữ dữ liệu, chương trình, tổ chức tập tin, phần cứng máy tính và thiết bị ngoại vi, mạng máy tính, virus, bảng mã Tiếng Việt, phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm bản tính.

9.13. Thực hành tin học căn bản: 2(0, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Tin học căn bản)

Nội dung: thực hành các kỹ năng làm việc trên máy tính với hệ điều hành Windows, làm việc với thư mục, tập tin,..., làm việc trên mạng nội bộ và Internet, các kỹ năng sử dụng ứng dụng văn phòng.

9.14. Giáo dục thể chất: 90 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.15. Giáo dục quốc phòng: 135 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.16. Kinh tế học: 4(60, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần kinh tế học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế, giúp cho sinh viên có thể hiểu biết và nắm bắt các quy luật kinh tế trên thị trường.

9.17. Nguyên lý kế toán: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động chủ yếu của một đơn vị cụ thể. Giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quát về công việc kế toán và nền tảng để học tiếp tục các học phần cao hơn như: kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán quản trị, kế toán Nhà nước.

9.18. Nguyên lý thống kê: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toán cao cấp)

Nội dung: Học phần nguyên lý thống kê trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phương pháp thống kê để phục vụ cho một quá trình nghiên cứu, quan sát thực nghiệm. Học phần cung cấp cho các sinh viên một số nghiệp vụ thống kê trong một đơn vị.

9.19. Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 1: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kinh tế học)

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Bản chất, chức năng của tài chính; tài chính công; thu ngân sách Nhà nước và tầm quan trọng của thu ngân sách Nhà nước quyết định đến chi tiêu chính phủ trong mỗi tài khóa; về tài chính doanh nghiệp và

ảnh hưởng của tài chính doanh nghiệp đến sự tồn tại và phát triển doanh nghiệp. Học phần này làm nền tảng cho việc nghiên cứu các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành.

9.20. Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 2: 4 (60, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kinh tế học)

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, ngoại hối và thanh toán. Trên cơ sở đó, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở để tiếp cận các nghiệp vụ kinh doanh tín dụng, kinh doanh ngoại hối và các dịch vụ ngân hàng khác.

9.21. Marketing căn bản: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kinh tế học)

Nội dung: Việc am hiểu marketing không những có lợi cho các doanh nghiệp mà còn có lợi cho cả người tiêu dùng. Người tiêu dùng am hiểu marketing sẽ có cách ứng xử khôn ngoan và đúng đắn hơn khi mua hàng. Việc nắm vững, phân tích và đánh giá đúng được thị trường cung cầu sẽ giúp cho các doanh nghiệp thành công trên thương trường.

9.22. Nghiệp vụ hành chính văn phòng: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Pháp luật kinh tế)

Nội dung: Đây là học phần giới thiệu các loại văn bản và những quy định của Nhà nước về công tác soạn thảo, quản lý văn bản, kỹ thuật soạn thảo văn bản nói chung và phương pháp soạn thảo một số văn bản thông dụng. Biết cách lập hồ sơ ở phần hành đảm nhận, nắm vững những nguyên tắc, quy trình cơ bản trong công tác quản lý và xử lý văn bản.

9.23. Anh văn chuyên ngành: 5(75, 0, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn căn bản 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và các thuật ngữ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng bằng tiếng Anh. Ngoài ra học phần còn rèn luyện cho người học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ứng dụng trong môi trường Tài chính – Ngân hàng, cũng như cung cấp cho sinh viên cách định khoản và cách lập các báo cáo tài chính bằng tiếng Anh.

9.24. Thuế: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kinh tế học, Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 1, 2)

Nội dung: Học phần này bao gồm những vấn đề cơ bản về thuế và các chính sách thuế của Nhà nước liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của công ty, của tổ chức kinh tế và dân cư. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu các Luật thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm cơ bản của từng loại thuế, phương pháp tính thuế và các thủ tục cần thiết kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

9.25. Thanh toán quốc tế : 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 2)

Nội dung: Học phần thanh toán quốc tế bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động thanh toán trong lĩnh vực ngoại thương và thanh toán trong các lĩnh vực phi kinh tế khác. Nội dung cơ bản của học phần này là đề cập đến các hình thức thanh toán phổ biến trong hoạt động ngoại thương hiện nay, nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết các phương tiện thanh toán quốc tế như: Hối phiếu, lệnh phiếu,...vv và các phương thức thanh toán quốc tế như: Chuyển tiền, nhờ thu, tín dụng chứng từ,...vv

9.26. Tài chính doanh nghiệp: 4(60, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán, Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp để làm cơ sở tiếp thu kiến thức của các môn học kế toán chuyên ngành và có thể vận dụng tốt vào công việc thực tế khi ra trường.

9.27. Kế toán tài chính doanh nghiệp : 3(45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp)

Nội dung: Trang bị những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp. Kết thúc học phần này sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo nghiệp vụ: Kế toán tài sản, kế toán nguồn vốn, kế toán thu nhập chi phí, hoạch toán lợi nhuận kinh doanh và các nội dung đã giới thiệu trong học phần.

9.28. Quản trị ngân hàng: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Quản trị học)

Nội dung: Học phần quản trị ngân hàng trang bị các kiến thức cơ bản giúp sinh viên tổng hợp được các vấn đề, từ việc: hoạch định, tổ chức, nhân sự, lãnh đạo kiểm tra, ... đến quản trị các hoạt động kinh doanh và bí quyết sử dụng các kỹ thuật quản trị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị các ngân hàng thương mại. Học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị ngân hàng, hoạch định và phân tích khả năng sinh lời của ngân hàng, quản trị thanh khoản, quản trị vốn tự có, quản trị lãi suất và rủi ro lãi suất, quản trị danh mục cho vay, quản trị ngoại hối và rủi ro ngoại hối, quản trị danh mục đầu tư; thành lập, tổ chức và phát triển mạng lưới ngân hàng.

9.29. Thẩm định dự án đầu tư: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính doanh nghiệp, Phân tích tài chính doanh nghiệp)

Nội dung: Sau khi học xong môn học này, người học được trang bị những kiến thức căn bản và toàn diện về thẩm định ở phương diện tài chính của dự án cùng với những kỹ năng thực hành thẩm định tài chính dự án bằng cách sử dụng phần mềm Excel. Do đó người học sẽ có khả năng tự mình tiến hành thẩm định tài chính một dự án khi vào làm ở phòng tín dụng hoặc phòng thẩm định của một ngân hàng.

9.30. Thị trường chứng khoán: 3(45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, qua đó sinh viên nắm bắt và hiểu được thế nào là: Thị trường sơ cấp? Thị trường thứ cấp và các loại hàng hóa giao dịch trên thị trường. Đồng thời nắm bắt được và có thể thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản của thị trường.

9.31. Marketing ngân hàng: 2 (30, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 2, Thị trường chứng khoán)

Nội dung: Học phần Marketing ngân hàng trang bị các kiến thức cơ bản giúp người học có khả năng nghiên cứu, phân tích môi trường kinh doanh, lựa chọn thị trường mục tiêu, xác định nhu cầu sản phẩm dịch vụ ngân hàng và cách thức sử dụng các kỹ thuật marketing nhằm

nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Học phần bao gồm các nội dung về tổng quan về Marketing ngân hàng, nghiên cứu thị trường và xác định thị trường mục tiêu của ngân hàng, chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến hỗn hợp, tổ chức thực hiện và kiểm tra marketing ngân hàng.

9.32. Kế toán hành chính sự nghiệp: 4 (60, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán, Nhập môn tài chính tiền tệ 1)

Nội dung: Học phần này bao gồm các vấn đề về thu thập phản ánh thông tin về nguồn kinh phí được cấp, tình hình sử dụng kinh phí, các nguồn thu của đơn vị, thực hiện kiểm tra các chỉ tiêu định mức kinh tế chính sách tài chính của Nhà nước, lập và nộp báo cáo cho các cơ quan đơn vị chủ quản cấp trên, phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí, vốn, quỹ của đơn vị.

9.33. Phân tích tài chính doanh nghiệp: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nhập môn tài chính tiền tệ 1, Tài chính doanh nghiệp)

Nội dung: Môn học nhằm trang bị những kiến thức, các chỉ tiêu cơ bản để phân tích tài chính của các doanh nghiệp kể cả doanh nghiệp tài chính và doanh nghiệp phi tài chính. Sau khi học xong chương trình người học sẽ có đầy đủ kiến thức để đọc được các chỉ tiêu tài chính trong bảng tổng kết tài sản và bảng cân đối kế toán trên cơ sở đó phân tích chuyên sâu, từ đó có thể định hướng trong đầu tư hoặc kinh doanh.

9.34. Tài chính quốc tế: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kinh tế học, Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 1, Kinh tế đối ngoại và hội nhập)

Nội dung: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính quốc tế, khái quát về hệ thống tài chính quốc tế và các khâu trong hệ thống tài chính quốc tế và mối quan hệ của chúng trong hệ thống tài chính giữa các quốc gia.

9.35. Kinh doanh ngoại hối: 3 (45, 0, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thanh toán quốc tế, Nghiệp vụ hành chính văn phòng)

Nội dung: Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn về ngoại hối và nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối của các ngân hàng thương mại trực tiếp cho khách hàng là cá nhân,

doanh nghiệp, công ty, tổ chức kinh tế... Môn học sẽ đi chuyên sâu về nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, mà chủ yếu là kinh doanh ngoại tệ của các ngân hàng thương mại.

9.36. Tín dụng ngân hàng: 4 (60, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính doanh nghiệp, Nhập môn Tài chính – Tiền tệ 2)

Nội dung: Sau khi học xong môn học này, người học được trang bị những kiến thức đầy đủ về các sản phẩm tín dụng của một ngân hàng về qui trình tín dụng vào qui chế cho vay của ngân hàng thương mại, kỹ năng thẩm định, lựa chọn hình thức bảo đảm thích hợp, ra quyết định và thanh lý một khoản tín dụng khi đến hạn.

9.37. Thực hành tín dụng ngân hàng: 3(90, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Tín dụng ngân hàng)

Nội dung: thực hành các nghiệp vụ tín dụng ngân hàng bao gồm nghiệp vụ thẩm định tín dụng, nghiệp vụ cho vay (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn), tài trợ xuất nhập khẩu, cho vay tiêu dùng, cho vay hộ sản xuất, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng, đánh giá rủi ro và xử lý rủi ro.

9.38. Kiểm toán ngân hàng: 4 (60, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán ngân hàng)

Nội dung: Học phần cung cấp các kiến thức về kiểm toán căn bản và đặc thù của kiểm toán ngân hàng. Nội dung bao gồm giới thiệu những thông tin về kiểm toán một cách đại cương; những kiến thức giúp kiểm toán viên có thể tìm hiểu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm rủi ro kiểm toán; những phương pháp và cách thức tiến hành một cuộc kiểm toán; kỹ thuật kiểm toán một số lĩnh vực cơ bản của ngân hàng.

9.39. Kế toán ngân hàng: 5(75, 0, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính doanh nghiệp)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế của các ngân hàng thương mại dựa trên cơ sở Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật các tổ chức tín dụng; Các văn bản pháp quy của Nhà nước và ngành ngân hàng liên quan đến các chính sách tiền tệ, tín dụng, thanh toán và ngân hàng, các quy định

trong Pháp lệnh kế toán và thống kê của nước CHXHCN Việt Nam, đặc biệt dựa vào cơ chế tài chính và chuẩn mực kế toán ngân hàng hiện hành.

9.40. Thực hành kế toán ngân hàng: 3 (90, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Kế toán ngân hàng)

Nội dung: thực hành các nghiệp vụ kế toán ngân hàng cụ thể: Kế toán nghiệp vụ tiền mặt, nghiệp vụ đầu tư và kinh doanh chứng khoán, nghiệp vụ tín dụng, kế toán tài sản cố định – công cụ lao động, kế toán nghiệp vụ huy động vốn, kế toán các nghiệp vụ về ngoại tệ, kế toán dịch vụ thanh toán, kế toán thanh toán giữa các ngân hàng, kế toán về kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính.

9.41. Bảo hiểm: 2 (30, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nhập môn tài chính tiền tệ 1)

Nội dung: Môn học này trang bị cho cán bộ quản lý tài chính nói chung và cán bộ quản lý tài chính doanh nghiệp nói riêng những kiến thức về lý luận cũng như nghiệp vụ cơ bản của bảo hiểm như: các vấn đề có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, các nghiệp vụ chủ yếu của một số loại hình bảo hiểm. Từ đó vận dụng vào thực tế nhằm góp phần đảm bảo an toàn cho quá trình sản xuất kinh doanh và đời sống con người trước các rủi ro xảy ra.

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

TS. LÊ THỊ MẠN

TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG